PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHÂN BỔ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 02 tháng 04 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 03/3/2025			Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh			Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*
A	**TỔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN (I+II+III)**							**812.794**	**281.677**	**531.117**	**45.766**	**107.771**	**97.771**	**10.000**	**116.930**	**106.930**	**10.000**	**9.159**	**0**	**9.159**		
I	**CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**							**0**	**0**	**0**	**500**	**800**	**300**	**500**	**800**	**300**	**500**	**0**	**0**	**0**		
II	**THỰC HIỆN DỰ ÁN**	`						**812.794**	**281.677**	**531.117**	**45.266**	**105.971**	**97.471**	**8.500**	**115.130**	**106.630**	**8.500**	**9.159**	**0**	**9.159**		
1	Dự án chuyển tiếp							618.693	175.072	443.621	41.766	33.829	26.025	7.804	33.829	26.025	7.804	0	0	0		
2	Dự án khởi công mới							194.101	106.605	87.496	3.500	72.142	71.446	696	81.301	80.605	696	9.159	0	9.159		
III	**BỐ TRÍ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC**											**1.000**	**0**	**1.000**	**1.000**	**0**	**1.000**	**0**	**0**	**0**		
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất (dành 10% kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)											**1.000**	**0**	**1.000**	**1.000**	**0**	**1.000**	**0**	**0**	**0**		
B	**NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN**							**812.794**	**281.677**	**531.117**	**45.766**	**107.771**	**97.771**	**10.000**	**116.930**	**106.930**	**10.000**	**9.159**	**0**	**9.159**		
B.1	**NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG**							**670.856**	**248.322**	**422.534**	**27.419**	**97.771**	**97.771**		**106.930**	**106.930**	**0**	**9.159**	**0**	**9.159**		
	CHI TIẾT DỰ ÁN THEO TỪNG NGÀNH, LĨNH VỰC							**670.856**	**248.322**	**422.534**	**27.419**	**97.771**	**97.771**		**106.930**	**106.930**	**0**	**9.159**	**0**	**9.159**		
I	**GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**							**451.294**	**111.317**	**339.977**	**19.344**	**20.672**	**20.672**		**20.672**	**20.672**	**0**	**0**	**0**	**0**		
I.1	**CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**										**500**	**300**	**300**		**300**	**300**	**0**	**0**	**0**	**0**		
1	Trường THCS Tân Phú	TP				2024-2026					500	200	200		200	200		0		0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Trường THCS Hòa Bình Thạnh điểm phụ (Hòa Hưng)	HBT				2024-2026					0	100	100		100	100		0		0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
I.2	**THỰC HIỆN ĐẦU TƯ**							**451.294**	**111.317**	**339.977**	**18.844**	**20.372**	**20.372**		**20.372**	**20.372**	**0**	**0**	**0**	**0**		
*	**Dự án chuyển tiếp**							**334.626**	**82.145**	**252.481**	**15.344**	**16.772**	**16.772**		**16.772**	**16.772**	**0**	**0**	**0**	**0**		
1	Trường MG Tân Phú điểm chính (Tân Lợi)	TP		8071399		2023-2026	63/QĐ-UBND 05/01/2024; 772/QĐ-UBND 13/5/2024	25.382	7.325	18.057	1.373	627	627		627	627					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Trường TH A Tân Phú điểm chính (Tân Thành)	TP		8034285		2023-2025	911/QĐ-UBND 22/6/2023; 854/QĐ-UBND 24/5/2024	26.860	6.582	20.278	1.400	1.000	1.000		1.000	1.000					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
3	Trường TH Vĩnh Lợi điểm chính (Hòa Lợi 1)	VL		8042959		2023-2026	1325/QĐ-UBND 17/8/2023; 961/QĐ-UBND 12/6/2024	41.122	11.180	29.942	2.450	2.050	2.050		2.050	2.050					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 03/3/2025			Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh			Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*
4	Trường TH A Vĩnh An điểm chính (Vĩnh Quới)	VA		8037332		2023-2026	1122/QĐ-UBND 13/7/2023; 771/QĐ-UBND 13/5/2024	37.735	9.476	28.259	2.610	1.281	1.281		1.281	1.281					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
5	Trường MG Bình Thạnh	BT		8027343		2022-2025	651/QĐ-SXD 15/5/2023; 954/QĐ-UBND 11/6/2024	34.464	7.566	26.898	2.022	1.049	1.049		1.049	1.049					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
6	Trường TH B Bình Thạnh điểm chính (Thạnh Hòa)	BT		8026319		2022-2025	617/QĐ-UBND ngày 09/5/2023; 1508/QĐ-UBND ngày 18/9/2023; 4374/VPUBND-KTN ngày 23/08/2024	32.858	7.410	25.448	1.499	1.100	1.100		1.100	1.100					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
7	Trường THCS Vĩnh Lợi	VL		8027342		2024-2026	474/QĐ-UBND 13/4/2023	25.101	5.640	19.461	839	561	561		561	561					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
9	Trường TH B Bình Hoà điểm chính (ấp Bình Phú 1)	BH		8115920		2023-2025	429/QĐ-UBND 24/11/2023	3.006	3.006			1.139	1.139		1.139	1.139		0		0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
10	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Châu Thành	Các xã		8036439		2021-2025	1078/QĐ-UBND 07/7/2023	85.584	17.856	67.728	2.019	4.165	4.165		4.165	4.165					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
11	Chương trình đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các điểm trường trên địa bàn huyện Châu Thành giai đoạn 2021–2025	CT		8034288		2023-2026	145/QĐ-UBND 13/02/2023	17.934	5.153	12.781	700	3.800	3.800		3.800	3.800					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
*	**Dự án khởi công mới**							**116.668**	**29.172**	**87.496**	**3.500**	**3.600**	**3.600**		**3.600**	**3.600**	**0**	**0**	**0**	**0**		
1	Trường THCS Vĩnh An	VA		8028963		2024-2026	715/QĐ-UBND 24/5/2023	30.051	6.716	23.335	500	1.100	1.100		1.100	1.100					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Trường THCS Vĩnh Hanh	VH		7977068		2024-2026	2309/QĐ-UBND 15/9/2022	44.256	12.051	32.205	1.500	2.000	2.000		2.000	2.000					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
3	Trường THCS Bình Thạnh	BT		8006139		2024-2026	3128/QĐ-UBND 26/12/2022	42.361	10.405	31.956	1.500	500	500		500	500					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
II	**HOẠT ĐỘNG KINH TẾ**							**215.111**	**132.554**	**82.557**	**8.075**	**72.648**	**72.648**		**81.807**	**81.807**	**0**	**9.159**	**0**	**9.159**		
II.1	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIÊM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN (DANH MỤC ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG)**							**1.719**	**1.719**			**1.719**	**1.719**		**1.719**	**1.719**		**0**		**0**		
	Dự án khởi công mới							**1.719**	**1.719**			**1.719**	**1.719**		**1.719**	**1.719**		**0**		**0**		
1	Gia cố sạt lỡ kênh Rạch Giá - Long Xuyên (đoạn chùa KhơMe Vĩnh Thành)	VT				2025	48A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	1.719	1.719			1.719	1.719		1.719	1.719		0		0	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 03/3/2025			Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh			Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*
II.2	**GIAO THÔNG**							**213.392**	**130.835**	**82.557**	**8.075**	**70.929**	**70.929**		**80.088**	**80.088**	**0**	**9.159**	**0**	**9.159**		
	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							**213.392**	**130.835**	**82.557**	**8.075**	**70.929**	**70.929**		**80.088**	**80.088**	**0**	**9.159**	**0**	**9.159**		
*	**Dự án chuyển tiếp**							**142.129**	**59.572**	**82.557**	**8.075**	**9.253**	**9.253**	**0**	**9.253**	**9.253**	**0**	**0**	**0**	**0**		
1	Tuyến ĐH.12 (cầu Bình Hòa-ranh Tri Tôn)	CT		7950343		2022-2025	2720/QĐ-UBND 17/11/2021; 4311/VPUBND-KTN ngày 20/08/2024	74.869	29.521	45.348	529	7.253	7.253		7.253	7.253		0		0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Tuyến ĐH.03 (cầu Trà Can-Bình Chánh)	CT		8026698		CBĐT 2021-2022; THĐT 2023-2025	300/QĐ-UBND 15/3/2023; CV 7162/VPUBND-KTN 31/12/2024	21.986	9.125	12.861	2.925	2.000	2.000		2.000	2.000		0		0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
	Dự án khởi công mới							**71.263**	**71.263**			**61.676**	**61.676**		**70.835**	**70.835**		**9.159**		**9.159**		
1	Sửa chữa tuyến đường giao thông nông thôn (Tuyến Kênh Thanh niên)	VB				2025	42A/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	7.171	7.171			7.171	7.171		7.171	7.171		0		0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
2	Duy tu, sửa chữa tuyến đường từ Dinh Sơn Trung đến giáp Châu Phú	VA				2025	44A/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	2.724	2.724			2.724	2.724		2.724	2.724		0		0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Mương nhà Thí (đường chính qua xã Bình Thạnh)	BH				2025	45A/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	2.994	2.994			2.994	2.994		2.994	2.994		0		0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Mương Lộ - Chín Quân	AH				2025	47A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	2.837	2.837			2.837	2.837		2.837	2.837		0		0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
5	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường ĐH 06 xã Vĩnh Thành (đoạn từ cầu Tân Thành 2 đến cầu Ba Dầu)	VT				2025	46A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	1.578	1.578			1.578	1.578		1.578	1.578		0		0	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường huyện ĐH.08, xây dựng cầu Đúc kênh Cũ và cầu sắt Ranh làng (Vĩnh Nhuận - Vĩnh Hanh)	VN-VH				2025-2026	55A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	28.384	28.384			28.384	28.384		28.384	28.384		0		0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
7	Xây dựng mới cầu Vĩnh Nhuận - Tân Phú (thuộc tuyến đường ĐH.06)	VN				2025-2026	56A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	20.581	20.581			10.994	10.994		20.153	20.153		9.159		9.159	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
8	Xây dựng các ô trồng, phân, cây đở và một số giống cây	CT				2025	57A/QĐ-UBND ngày 26/02/2025	4.994	4.994			4.994	4.994		4.994	4.994		0		0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
III	**HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI**							**4.451**	**4.451**			**4.451**	**4.451**		**4.451**	**4.451**	**0**	**0**	**0**	**0**		
	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							**4.451**	**4.451**			**4.451**	**4.451**		**4.451**	**4.451**	**0**	**0**	**0**	**0**		
	Dự án khởi công mới							**4.451**	**4.451**			**4.451**	**4.451**		**4.451**	**4.451**	**0**	**0**	**0**	**0**		
1	Nâng cấp, sửa chữa công viên trước UBND xã Vĩnh Lợi	VL				2025	43A/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	999	999			999	999		999	999		0		0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà xe, các phòng làm việc của Đảng uỷ xã	VT				2025	49A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	1.131	1.131			1.131	1.131		1.131	1.131		0		0	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 03/3/2025			Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh			Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*
3	Nâng cấp, sửa chữa bộ phận một cửa, trụ sở UBND xã Vĩnh Lợi	VL				2025	51A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	1.188	1.188			1.188	1.188		1.188	1.188		0		0	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lợi	
4	Nâng cấp, sửa chữa bộ phận một cửa, trụ sở UBND xã Hoà Bình Thạnh	HBT				2025	50A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	1.133	1.133			1.133	1.133		1.133	1.133		0		0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
B.2	**NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**							**141.938**	**33.355**	**108.583**	**18.347**	**10.000**		**10.000**	**10.000**	**0**	**10.000**	**0**	**0**	**0**		
	I. CHI TIẾT DỰ ÁN THEO TỪNG NGÀNH, LĨNH VỰC							**141.938**	**33.355**	**108.583**	**18.347**	**9.000**		**9.000**	**9.000**	**0**	**9.000**	**0**	**0**	**0**		
I	**GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**							**141.938**	**33.355**	**108.583**	**2.051**	**5.286**		**5.286**	**5.286**	**0**	**5.286**	**0**	**0**	**0**		
I.1	**CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**										**0**	**500**		**500**	**500**	**0**	**500**	**0**	**0**	**0**		
1	Trường THCS An Châu	AC				2023-2026						300		300	300		300				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Trường TH A An Châu	AC				2024-2027						200		200	200		200				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
I.2	**THỰC HIỆN ĐẦU TƯ**							**141.938**	**33.355**	**108.583**	**2.051**	**4.786**		**4.786**	**4.786**	**0**	**4.786**	**0**	**0**	**0**		
	Dự án chuyển tiếp							**141.938**	**33.355**	**108.583**	**2.051**	**4.090**		**4.090**	**4.090**	**0**	**4.090**	**0**	**0**	**0**		
1	Trường TH A Tân Phú điểm chính (Tân Thành)	TP		8034285		2023-2025	911/QĐ-UBND 22/6/2023; 854/QĐ-UBND 24/5/2024				0	683		683	683		683				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Trường TH Vĩnh Lợi điểm chính (Hòa Lợi 1)	VL		8042959		2023-2026	1325/QĐ-UBND 17/8/2023; 961/QĐ-UBND 12/6/2024				0	1.123		1.123	1.123		1.123				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
3	Trường THCS Hòa Bình Thạnh điểm chính (Hòa Thạnh)	HBT		7988714		2023-2026	2697/QĐ-UBND 08/11/2022	53.348	12.493	40.855	1.921	700		700	700		700				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
4	Trường TH A Vĩnh An điểm chính (Vĩnh Quới)	VA		8037332		2023-2026	1122/QĐ-UBND 13/7/2023; 771/QĐ-UBND 13/5/2024				0	504		504	504		504				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
5	Trường THCS Vĩnh Lợi	VL		8027342		2024-2026	474/QĐ-UBND 13/4/2023				0	1.080		1.080	1.080		1.080				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
*	**Dự án khởi công mới**										**0**	**696**		**696**	**696**	**0**	**696**	**0**	**0**	**0**		
1	Trường THCS Vĩnh An	VA		8028963		2024-2026	715/QĐ-UBND 24/5/2023				0	696		696	696		696				Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
II	**GIAO THÔNG**										**16.296**	**3.714**		**3.714**	**3.714**	**0**	**3.714**	**0**	**0**	**0**		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 03/3/2025			Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh			Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*
	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ										**16.296**	**3.714**		**3.714**	**3.714**	**0**	**3.714**	**0**	**0**	**0**		
*	**Dự án chuyển tiếp**										**16.296**	**3.714**	**0**	**3.714**	**3.714**	**0**	**3.714**	**0**	**0**	**0**		
1	Tuyến ĐH.12 (cầu Bình Hòa-ranh Tri Tôn)	CT		7950343		2022-2025	2720/QĐ-UBND 17/11/2021; 4311/VPUBND-KTN ngày 20/08/2024				8.605	3.714		3.714	3.714		3.714	0		0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
	II. BỐ TRÍ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC											**1.000**		**1.000**	**1.000**	**0**	**1.000**	**0**	**0**	**0**		
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất (dành 10% kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)											1.000		1.000	1.000		1.000					